**PHỤ LỤC SỐ 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2024/TT-NHNN ngày 09/8/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị báo cáo: …….** |  |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH MUA BÁN VÀ SỬ DỤNG**  
**DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC**  
*(Tháng ….năm….)*

*Đơn vị: USD*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền (\*)** |
| **Quỹ Dự trữ ngoại hối** | | |
| **1** | **Thu** |  |
| 1.1  1.2  1.2.1  1.2.2  …  1.3 | Thu hồi tạm ứng  Thu nợ cho vay từ Bộ Tài chính  Đối tượng vay A  Đối tượng vay B  …  Điều chuyển từ Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng |  |
| **2** | **Chi** |  |
| 2.1  2.1.1  2.1.2  …  2.2 | Trích ngoại tệ chuyển cho Bộ Tài chính  Đối tượng A  Đối tượng B  …  Điều chuyển sang Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng |  |
| **3** | **Trích Quỹ Dự trữ ngoại hối lũy kế trong năm …** |  |
| 3.1. | … |  |
| 3.2. | … |  |
| **4** | **Hoán đổi với Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng (\*\*)** |  |
| **5** | **Hoán đổi theo thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương và đa phương (\*\*)** |  |
| 5.1  5.2 | Ngân hàng trung ương  Tổ chức tài chính quốc tế |  |
| **Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng** | | |
| **1** | **Thu** |  |
| 1.1  1.2  1.3  1.4  1.5 | Mua từ Bộ Tài chính  Mua từ các tổ chức tín dụng  Mua từ các tổ chức quốc tế  Mua khác  Điều chuyển từ Quỹ Dự trữ ngoại hối |  |
| **2** | **Chi** |  |
| 2.1  2.2 | Bán cho Bộ Tài chính  Bán cho các tổ chức tín dụng |  |
| 2.2.1 | Bán cho các dự án được Chính phủ bảo lãnh và cam kết chuyển đổi ngoại tệ |  |
| 2.2.2  2.3  2.4 | Bán cho các mục đích khác  Hình thức can thiệp ngoại tệ khác  Điều chuyển sang Quỹ Dự trữ ngoại hối |  |
| **3** | **Vàng thuộc Quỹ Bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng** |  |
| 3.1  3.2  3.3 | Mua vàng từ thị trường  Bán vàng can thiệp thị trường  Hình thức can thiệp vàng khác |  |
| **4** | **Hoán đổi với Quỹ Dự trữ ngoại hối (\*\*)** |  |
| **Tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác** | | |
| **1** | **Gửi ngoại tệ và vàng** |  |
| 1.1  1.2  1.3 | Kho bạc Nhà nước  Tổ chức tín dụng  Các nguồn ngoại hối khác |  |
| **2** | **Rút ngoại tệ và vàng** |  |
| 2.1  2.2  2.3 | Kho bạc Nhà nước  Tổ chức tín dụng  Các nguồn ngoại hối khác |  |
| **Thu nhập và chi phí đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước** | | |
| **1** | **Thu nhập** |  |
| 1.1  1.2 | Từ đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức  Từ đầu tư tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác |  |
| **2** | **Chi phí** |  |
| 2.1  2.2 | Từ đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức  Từ đầu tư tiền gửi ngoại tệ và vàng của Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước và các nguồn ngoại hối khác |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày ….tháng ….năm ……* | |
| **Lập biểu** | **Kiểm soát** | **Thủ trưởng đơn vị** |

***1. Đối tượng áp dụng:***

- Sở Giao dịch thực hiện đến khi Thống đốc quyết định về việc phân công nhiệm vụ hạch toán giữa Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và Sở Giao dịch theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 12/2023/TT-NHNN.

- Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước thực hiện kể từ khi Thống đốc quyết định về việc phân công nhiệm vụ hạch toán giữa Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước và Sở Giao dịch theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 12/2023/TT-NHNN.

***2. Thời hạn gửi báo cáo:***Muộn nhất ngày 05 của tháng ngay sau tháng báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Văn bản hoặc báo cáo điện tử.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:***

4.1. Trong giai đoạn Sở Giao dịch lập báo cáo này: Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Dự báo, thống kê.

4.2. Kể từ khi Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước lập báo cáo này: Thống đốc, các Phó Thống đốc có liên quan, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Kiểm toán nội bộ, Vụ Dự báo, thống kê.

***5. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Tỷ giá để quy đổi từ các loại ngoại tệ ra USD là tỷ giá do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định trên cơ sở tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán được niêm yết trên Refinitiv trước 10 giờ sáng ngày báo cáo.

- Giá vàng để quy đổi ra USD là giá vàng do Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước xác định hàng ngày.

- Các số liệu trong báo cáo là giá trị ghi sổ trên tài khoản kế toán vào ngày báo cáo.

- (\*) Số tiền = Số tiền theo nguyên tệ phát sinh trong kỳ \* Tỷ giá nguyên tệ/Tỷ giá USD.

- (\*\*) Việc hoán đổi không thay đổi số dư quy USD của hai Quỹ tại thời điểm hoán đổi. Sau thời điểm hoán đổi, giá trị khoản hoán đổi sẽ được đánh giá lại theo quy định hiện hành.